TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2020/DS-ST
Ngày 14/01/2020
"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Trung Thành
2. Ông Vương Ngọc Toại

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-DS ngày 31/7/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐST-DS ngày 06/12/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST- DS ngày 26/12/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn T** – **Chi nhánh B**; Trụ sở: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1985 – Phó phòng kiểm soát rủi ro.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1971; Nơi cư trú:Tổ 5, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Ngày 15/11/2011, anh Nguyễn Văn L có ký hợp đồng tín dụng số LD1131900226 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh B. Số tiền anh L vay là 30.000.000 đồng; lãi suất là 1,35%/tháng theo dư nợ ban đầu; thời hạn vay là 36 tháng; thời điểm hết nợ là 15/11/2014; Hình thức vay "tín chấp" không có tài sản bảo đảm; hình thức trả: trả góp hàng tháng, số tiền trả nợ mỗi kỳ (tháng) là 1.238.000 đồng (Số tiền trả mỗi kỳ = Tổng số tiền trả nợ/số kỳ trả nợ). Số tiền trả nợ kỳ cuối là 1.250.000 đồng.

Trong quá trình vay, anh L đã thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 30/3/2013 được 16 kỳ, với số tiền là gốc là 13.328.000 đồng và tiền lãi là 6.480.000 đồng. Từ kỳ trả nợ ngày 30/4/2013, anh L không trả nợ cho ngân hàng

đúng cam kết (còn nợ lại 20 kỳ). Ngày 01/5/2013, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh B đề nghị Tòa án xét xử buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc là: 16.672.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 8.100.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 24.322.425 đồng. Tổng số tiền anh L phải trả là 49.094.425 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 BLDS 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh Tây Bình Phước 16.672.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 8.100.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 24.322.425 đồng. Tổng số tiền anh L phải trả là 49.094.425 đồng và lãi phát sinh cho đến khi anh L trả hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ,toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 16.672.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 8.100.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 14/01/2020 là 24.322.425 đồng. Tổng số tiền anh L phải trả là 49.094.425 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Nguyễn Văn L cư trú tại ấp tổ 5, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP ngày 05/5/2017, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã giao (Niêm yết) Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo dời phiên tòa cho người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thu H, bị đơn là anh Nguyễn Văn L nhưng anh L vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, cần áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Xét hợp đồng tín dụng vay vốn số: LD 1131900226 ngày 15/11/2011 được ký kết giữ Ngân hàng và anh Nguyễn Vân L là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

[2] Ngân hàng yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 16.672.000 đồng. Yêu cầu này được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chứng minh bằng Hợp đồng tín dụng vay vốn số: LD 1131900226 ngày 15/11/2011.

Nội dung hợp đồng tín dụng: Anh L vay 16.672.000 đồng (*Bằng chữ: Mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*); lãi suất là 1,35%/tháng theo dư nợ ban đầu; thời hạn vay là 36 tháng; thời điểm hết nợ là 15/11/2014; biện pháp bảo đảm cho vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Số tiền trả nợ mỗi kỳ là 1.238.000 đồng (Số tiền trả mỗi kỳ = Tổng số tiền trả nợ/số kỳ trả nợ). Số tiền trả nợ kỳ cuối là 1.250.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trả nợ, anh L đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo các điều khoản đã cam kết vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng 16.672.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu trả lãi trong hạn và trả lãi quá hạn: Theo hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng với anh L thì lãi suất vay là 1,35%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng (Dư nợ gốc của kỳ tương ứng bị quá hạn x lãi suất theo HĐTD x 12 x 150% x số ngày quá hạn)/360. Thỏa thuận này được ghi nhận tại điểm b, d Điều 2 của phụ lục các điều khoản chung kèm theo hợp đồng tín dụng số LD 1131900226 có quy định:

"...b/ Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc, bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc của kỳ hạn mà bên vay không trả đúng hạn do Sacombank xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt quá mức lãi suát quy định pháp luật (nếu có).

d/ Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả lãi, bên vay đồng ý chịu mức phạt tính trên số tiền lãi phải trả và số ngày chậm trả do Sacombank xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt quá mức phạt theo quy định pháp luật (nếu có)"

Là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 1627/2001/QD-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ngày 31/12/2001

Do anh L vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của 20 kỳ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh L trả lãi trong hạn là: 30.000.000 đồng x 1,35% x 20 tháng = 8.100.000 đồng;

Tiền lãi quá hạn được tính theo từng kỳ: (Dư nợ gốc của kỳ tương ứng bị quá hạn x lãi suất theo HĐTD x 12 x 150% x số ngày quá hạn)/360. Tương ứng với tổng số tiền lãi quá hạn của các kỳ mà anh L phải trả là 24.322.425 đồng.

Tổng số tiền lãi anh L phải trả là: 32.422.425 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu, buộc anh L trả lãi phát sinh sau ngày 14 tháng 01 năm 2020 đến khi trả hết nợ gốc của Ngân hàng, yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng cho vay giữa các bên đã ký kết nên được chấp nhận. Do vậy anh L còn phải có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 05/5/2017.

Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh B. Buộc anh Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh B số tiền gốc là 16.672.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 810.000 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 24.322.425 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 49.094.425 đồng *(Bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng)*

Kể từ ngày xét xử án sơ thẩm (ngày 14/01/2020), anh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn phát sinh của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu 2.004.721 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T – Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.425.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011086, quyển số 0222 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Bản án (Quyết định) này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THADS huyện Đồn g Phú;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu;*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương